

Số: .../ADAS-VP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm học 2024-2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: Trường Tiểu học, THCS & THPT Archimedes Đông Anh

2. Địa chỉ và các địa chỉ hoạt động khác

- Địa chỉ: Lô I-F1, KĐT Bắc 23B, Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội.

- Điện thoại: 0384353535; Email: adas.c3@aschool.edu.vn;

- Website: aschool.edu.vn

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Trường học tư thục

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường

4.1. Sứ mạng

- Xây dựng môi trường học tập chất lượng.

- Tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp.

- Mang lại những giá trị tốt đẹp cho cộng đồng.

4.2. Tầm nhìn

- Nuôi dưỡng các giá trị và bản sắc dân tộc trong thời đại mới.

- Lấy tinh thần tự chủ, sức mạnh tập thể và tâm huyết giáo dục làm định hướng.

- Luôn cập nhật, sáng tạo; liên kết quốc tế để nâng tầm.

4.3. Mục tiêu

- Đảm bảo kiến thức văn hóa chuẩn – Bộ GD&ĐT.

- Nỗ lực học nâng cao theo khả năng.

- Trang bị tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai.

- Tiếp cận Khoa học như môn học chính thống.

- Hội nhập văn hóa.

5. Quá trình hình thành và phát triển của Nhà trường.

Trường Tiểu học, THCS & THPT Archimedes Đông Anh là ngôi trường của Hệ thống giáo dục Archimedes hiện thực hoá những tiêu chuẩn cao cấp về cơ sở vật chất như là sự cam kết đầu tiên, mạnh mẽ và bền vững cho Học sinh có được tiện nghi trong học tập, vui chơi và trải nghiệm. Diện tích sử dụng: Hơn 20.000m² trên tổng mặt bằng hơn 9.740m².

Chính thức tuyển sinh từ năm học 2019 – 2020 ở cả 3 cấp học, trường Tiểu học, THCS & THPT Archimedes Đông Anh mang đến chương trình học bám sát yêu cầu của xã hội và hướng đến sự hội nhập; có định hướng đầu ra rõ ràng cùng những đổi mới để phát huy tính chủ động, sáng tạo cho học sinh và trên hết là để mỗi ngày đến trường của các em thực sự là những ngày vui và bổ ích.

Nhà trường dạy chuẩn kiến thức và nâng cao; Hỗ trợ học sinh phát huy tối đa khả năng học tập của bản thân; Định hướng và hướng dẫn học sinh thi đỗ vào các trường THPT hoặc trường ĐH tốt nhất Việt Nam;

Coi Tiếng Anh là môn học quan trọng, hướng tới sử dụng như ngôn ngữ thứ hai;

Giúp học sinh yêu thích Toán học, giỏi Toán hoặc một môn khoa học tự nhiên;
Tổ chức nhiều sự kiện giúp nâng cao tinh thần tập thể, kỹ năng làm việc nhóm; chú trọng các hoạt động cộng đồng, học sinh biết chia sẻ, sống tích cực và nhân văn;
Chăm sóc tốt về dinh dưỡng và rèn luyện sức khỏe thông qua hoạt động thể thao; Học sinh có thể chơi tốt một môn thể thao.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

- Họ và tên: Doãn Thị Hồng
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ làm việc: Lô I-F1, KĐT Bắc 23B, Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội.
- Số điện thoại: 0852666929
- Email: hongdt@aschool.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

- Quyết định thành lập Nhà trường: Theo QĐ số 3221/QĐ-UBND của UBND TP. Hà Nội ngày 14 tháng 06 năm 2019.

- Quyết định công nhận Hội đồng trường và chủ tịch Hội đồng trường số 247/ADD-SGDĐT-VP ngày 07/02/2023

+ Danh sách thành viên Hội đồng trường

TT	Họ và tên	Vị trí công tác	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Tô Văn Năm	Nhà đầu tư	Chủ tịch	
2	Bà Tô Thị Đường	Nhà đầu tư	Thành viên	
3	Bà Doãn Thị Hồng	Hiệu trưởng	Thành viên	
4	Bà Phan Thị Yến Lan	Phó Hiệu Trưởng	Thành viên	
5	Bà Vũ Hồng Loan	Phó Hiệu Trưởng	Thành viên	
6	Bà Hà Mai Thanh	Phó Hiệu Trưởng	Thành viên	
7	Bà Nguyễn Mai Hạnh	Cha mẹ học sinh trong trường	Thành viên	

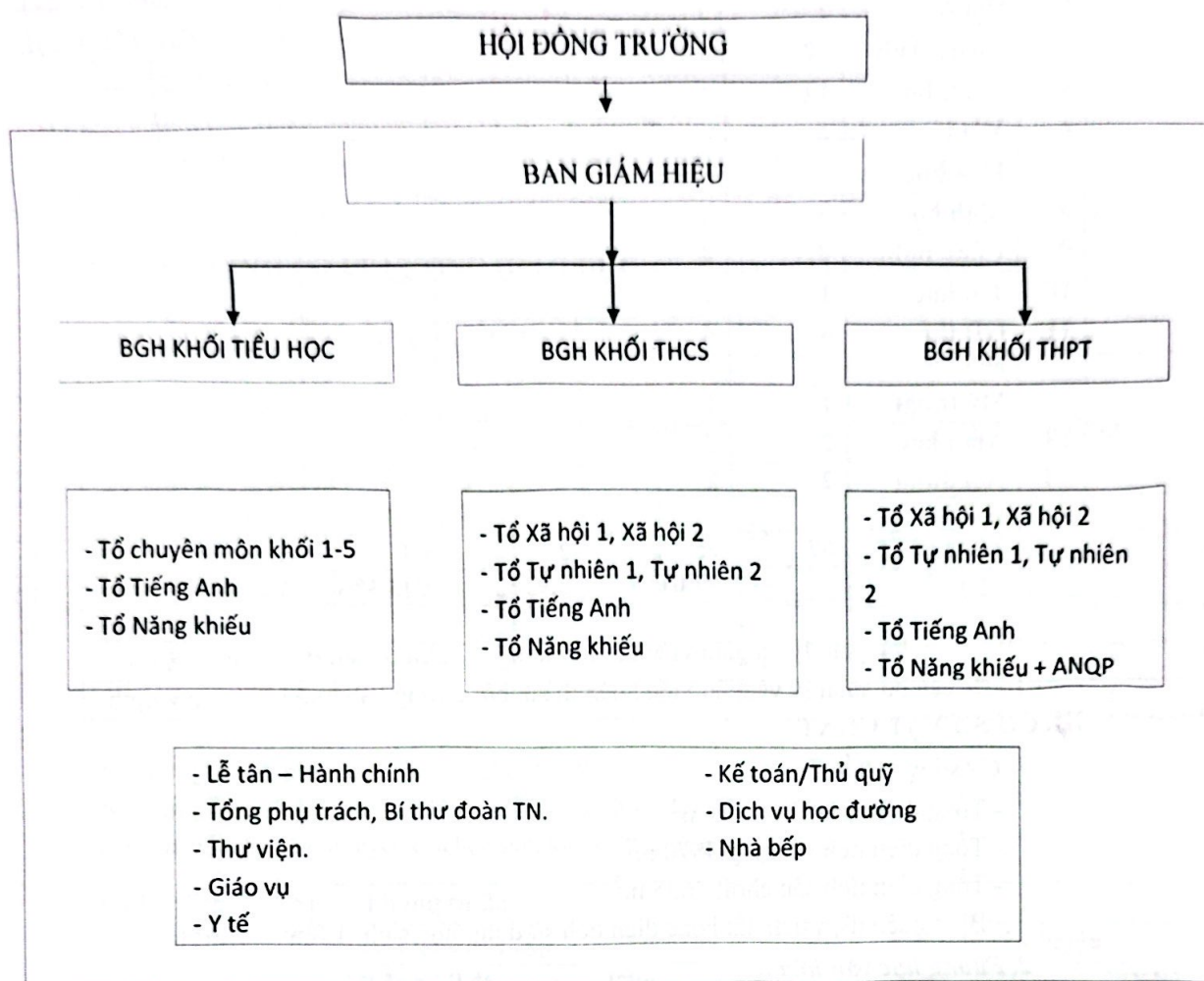
- Quyết định công nhận Hiệu trưởng số 704/QĐ-SGDĐT ngày 08/06/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Tiểu học, THCS & THPT Archimedes Đông Anh

- Quyết định công nhận Phó Hiệu trưởng số 572/QĐ-SGDĐT ngày 31/03/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Phó Hiệu trưởng Trường Tiểu học, THCS & THPT Archimedes Đông Anh

- Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường

+ Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường được ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Nhà trường và các phòng ban trong Nhà trường.

+ Sơ đồ tổ chức Trường Tiểu học, THCS & THPT Archimedes Đồng Anh



Trong đó:

- Tổ chuyên môn gồm: Khối Lớp 1- 5, Tổ Tự nhiên 1, Tự nhiên 2, Tổ Xã hội 1, Xã hội 2, Tổ Tiếng Anh, Tổ Năng khiếu – GDQP.
 - Tổ Văn phòng gồm: Lễ tân – Hành chính, tổng phụ trách, Bí thư Đoàn TN, Thư viện, Giáo vụ, Y tế, Kế toán, Dịch vụ học đường, Nhà bếp.
8. Các văn bản khác của Nhà trường:
- Chiến lược phát triển của Nhà trường.
 - Các quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính, chính sách thu hút và phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.
 - Kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác.

II. ĐỘI NGŮ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

TT	Giáo viên môn	Tổng số	Chia ra			Chia theo trình độ đào tạo		
			Cơ hữu	Thỉnh giảng	Đại học	Thạc sỹ	Tiến sỹ	Khác
1	Ngữ văn	14	14					

2	Lịch sử	1	1	1				
3	Địa lý	1	1	1				
4	Tiếng Anh	12	12					
5	Toán học	12	12					
6	Vật lý	4	4					
7	Hóa học	5	5					
8	Sinh học	3	3					
9	Công nghệ	4	4					
10	Tin học	1	1					
11	GD thể chất	6	6					
12	Mỹ thuật	1	1					
13	Âm nhạc	2	2					
14	Nội dung GDĐP	2	2					
	Tổng cộng	67	65	2	63	3		1
	Tỷ lệ %		97.01%	2.99%	94.03%	4.48%		1%

- 100% cán bộ quản lý và giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định.
- 100% cán bộ quản lý và giáo viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Cơ sở vật chất

- Tổng diện tích đất: 9870 m²
- Tổng diện tích sử dụng: 9870 m²
- Tổng diện tích sân chơi: 4625 m²
- Bình quân diện tích đất hoặc diện tích sử dụng/học sinh: 1.8m²

2. Phòng học văn hóa

Phòng học	Tổng số	Chia ra		
		Kiên cố	Bán kiên cố	Cấp 4
Phòng học văn hóa	38	38	00	00

3. Phòng bộ môn (thực hành, thí nghiệm, chức năng)

Phòng bộ môn	Tổng số	Diện tích	Đạt chuẩn	Chưa đạt chuẩn (ghi rõ nội dung chưa đạt)
1. Vật lý	03	50m ² /phòng	x	
Phòng chuẩn bị				
2. Hóa học	01	50m ² /phòng	x	
Phòng chuẩn bị				
3. Sinh học	01	50m ² /phòng	x	
Phòng chuẩn bị				
4. Công nghệ	0	50m ² /phòng	x	
Phòng chuẩn bị				
5. Ngoại ngữ	03	50m ² /phòng	x	
6. Tin học	03	50m ² /phòng		
Số máy vi tính	90 máy	x	x	x
7. Phòng đa năng	01	50m ²	x	

8. Âm nhạc	02	90m ²	x	
9. Mỹ thuật	01	50m ²	x	
10. Thư viện	01	80m ²	x	
Số lượng sách, tài liệu tham khảo	3500 quyển	x	x	x
11. Nhà thể chất		700m ²	x	
12. Phòng Y tế	01	45m ²	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC: Chưa thực hiện

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Tổng số lớp	Số lớp/số học sinh	Số học sinh bình quân/ lớp theo từng khối	Giới tính		Chuyển trường	
			Nam	Nữ	Chuyển đến	Chuyển đi
Lớp 6	10/288	28.8	171	116	10	2
Lớp 7	10/305	30.5	189	114	6	1
Lớp 8	10/237	23.7	137	100	2	1
Lớp 9	9/256	32	149	107	0	0

- Số lượng học sinh học 02 buổi/ngày: 100%
- Số lượng học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật: 0 học sinh.
- Kết quả học tập và rèn luyện của học sinh lớp 6, 7,8,9 năm học 2024-2025:

STT	Tên lớp	Số sĩ	Thông tư 22											
			Kết quả học tập							Kết quả rèn luyện				
			Tổng số HS ĐG	Tốt		Khá		Đạt		Tổng số HS ĐG	Tốt		Khá	
				SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)		SL	TL (%)	SL	TL (%)
	TỔNG KHỐI 6	288	288	259	89.93	29	10.07			288	286	99.31	2	0.69
1	6C1	30	30	30	100					30	30	100		
2	6C2	28	28	28	100					28	28	100		
3	6C3	30	30	29	96.67	1	3.33			30	30	100		
4	6A1	27	27	26	96.3	1	3.7			27	27	100		
5	6A3	26	26	26	100					26	25	96.15	1	3.85
6	6A4	28	28	27	96.43	1	3.57			28	28	100		
7	6A5	32	32	31	96.88	1	3.13			32	31	96.88	1	3.13
8	6A6	30	30	22	73.33	8	26.67			30	30	100		
9	6A7	31	31	24	77.42	7	22.58			31	31	100		
10	6A8	26	26	16	61.54	10	38.46			26	26	100		
	TỔNG KHỐI 7	305	305	277	90.82	28	9.18			305	300	98.36	5	1.64

1	7C1	29	29	27	93.1	2	6.9			29	29	100		
2	7C2	33	33	33	100					33	33	100		
3	7C3	33	33	33	100					33	33	100		
4	7A1	30	30	29	96.67	1	3.33			30	30	100		
5	7A2	28	28	24	85.71	4	14.29			28	28	100		
6	7A3	31	31	29	93.55	2	6.45			31	31	100		
7	7A4	31	31	31	100					31	31	100		
8	7A5	30	30	21	70	9	30			30	29	96.67	1	3.33
9	7A6	29	29	25	86.21	4	13.79			29	25	86.21	4	13.79
10	7A7	31	31	25	80.65	6	19.35			31	31	100		
	TỔNG KHỐI 8	237	237	228	96.2	8	3.38	1	0.42	237	236	99.58	1	0.42
1	8C1	25	25	25	100					25	25	100		
2	8C2	21	21	21	100					21	21	100		
3	8C3	30	30	30	100					30	30	100		
4	8A1	27	27	27	100					27	27	100		
5	8A2	24	24	23	95.83	1	4.17			24	24	100		
6	8A3	24	24	22	91.67	2	8.33			24	23	95.83	1	4.17
7	8A4	29	29	28	96.55	1	3.45			29	29	100		
8	8A5	30	30	25	83.33	4	13.33	1	3.33	30	30	100		
9	8A6	27	27	27	100					27	27	100		
	TỔNG KHỐI 9	256	256	239	93.36	17	6.64			256	256	100		
1	9C1	28	28	28	100					28	28	100		
2	9C23	33	33	33	100					33	33	100		
3	9C4	31	31	31	100					31	31	100		
4	9A1	25	25	25	100					25	25	100		
5	9A2	30	30	28	93.33	2	6.67			30	30	100		
6	9A3	28	28	27	96.43	1	3.57			28	28	100		
7	9A4	27	27	21	77.78	6	22.22			27	27	100		
8	9A5	28	28	20	71.43	8	28.57			28	28	100		
9	9A6	26	26	26	100					26	26	100		

- 100% học sinh được cấp bằng tốt nghiệp trung học cơ sở

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của trường TH, THCS & THPT Archimedes Đồng Anh trong năm tài chính trước liền kề với thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a. Các khoản thu: Là các khoản thu học phí của học sinh và các khoản thu hộ chi hộ (Xe tuyến, Bảo hiểm y tế học sinh)

b. Các khoản chi:

+ Chi lương:

- Theo hợp đồng lao động đã được ký giữa Người sử dụng lao động và Người lao động

- Theo nội quy công ty
- Theo thỏa ước lao động tập thể
- + Chi cơ sở vật chất và dịch vụ phục vụ trực tiếp cho việc dạy học
- c. Thực hiện chính sách miễn giảm học phí cho con CBGV, học sinh có thành tích xuất sắc trong học tập, con AHLLVT hoặc có cha hoặc mẹ trực tiếp làm việc trong ngành QĐNDVN, công tác tại biên giới, biển đảo.
- d. Báo cáo số dư quỹ tại thời điểm cuối kỳ.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC.

- Kết quả bồi dưỡng học sinh giỏi kì thi cấp cụm và thành phố, các kì thi khác:

Năm học	HSG cấp cụm	HSG cấp Thành phố	Các cuộc thi khác
2024-2025	05 giải Nhất, 29 giải Nhì, 14 giải Ba, 09 giải KK	03 giải Nhất, 09 giải Nhì, 11 giải Ba, 07 giải KK	ASMO: 21 giải Vàng, 66 giải Bạc SEAMO: 1 giải Vàng, 4 giải Bạc

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

